

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Chi nhánh Đà Nẵng: 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	12 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 2 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 15/11/2017.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2017: 324.054.150.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : (+84) 0234 – 3 891 841
- Fax : (+84) 0234 – 3 891 838

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Bá Hòa	Chủ tịch	01/11/2016	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	19/04/2015	
Ông Lê Chí Phai	Thành viên	19/04/2015	
Ông Trần Văn Phong	Thành viên	15/04/2016	
Bà Hồ Hoàng Thi	Thành viên	19/04/2017	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	19/04/2017	
Ông Ngô Khánh Toàn	Trưởng ban	19/04/2015	19/04/2017
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	19/04/2015	
Bà Lê Thị Hoàng Diệu	Thành viên	19/04/2015	

4.3. Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	10/07/2015	
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	10/07/2015	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	06/01/2016	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	19/04/2017	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	19/04/2017	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 8 đến trang 42.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7. Sự kiện sau ngày kết năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Công ty



lnr

HUỶNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2018



Số: 18/2018/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2018, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



A handwritten signature in blue ink, consisting of several fluid, connected strokes.

Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 2896-2016-071-1
Chữ ký được uỷ quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		170.397.226.146	122.477.247.250
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	127.354.024.145	97.106.980.656
111	1. Tiền		13.854.024.145	9.180.658.266
112	2. Các khoản tương đương tiền		113.500.000.000	87.926.322.390
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.500.000.000	2.500.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	2.500.000.000	2.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.200.980.448	18.165.134.066
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	22.709.442.388	16.251.992.643
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.945.652.292	991.180.992
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	1.500.000.000	1.500.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	12.105.918.327	2.481.992.990
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(3.060.032.559)	(3.060.032.559)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		4.459.319.138	4.056.094.778
141	1. Hàng tồn kho	V.8	4.459.319.138	4.056.094.778
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		882.902.415	649.037.750
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	171.347.472	71.401.350
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		681.476.467	577.636.400
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	30.078.476	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		319.780.916.184	325.790.434.201
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		312.954.189.364	318.512.003.639
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	312.930.900.238	318.472.752.771
222	- Nguyên giá		665.442.565.823	647.019.860.808
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(352.511.665.585)	(328.547.108.037)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	23.289.126	39.250.868
228	- Nguyên giá		131.969.600	131.969.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.680.474)	(92.718.732)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.584.745.774	461.628.901
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	2.584.745.774	461.628.901
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.241.981.046	6.816.801.661
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	4.241.981.046	6.816.801.661
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		490.178.142.330	448.267.681.451

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		140.614.115.779	118.663.668.245
310	I. Nợ ngắn hạn		60.866.885.795	34.791.830.170
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	9.799.688.137	1.848.342.300
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14a	52.659.013	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.495.491.485	322.868.788
314	4. Phải trả người lao động	V.16	9.699.229.539	9.269.584.092
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	-	1.329.863.135
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18a	1.478.498.747	2.004.001.416
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	33.732.898.886	18.679.008.886
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.20a	3.025.298.462	600.000.000
322	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	1.583.121.526	738.161.553
330	II. Nợ dài hạn		79.747.229.984	83.871.838.075
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.14b	78.582.229.984	57.411.365.257
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18b	165.000.000	1.160.472.818
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.19b	-	25.000.000.000
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
340	6. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
342	7. Dự phòng phải trả dài hạn	V.20b	1.000.000.000	300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		349.564.026.551	329.604.013.206
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	349.564.026.551	329.604.013.206
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	308.623.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	308.623.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		3.835.989.899	1.281.320.031
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.673.886.652	19.699.693.175
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.673.886.652	19.699.693.175
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		490.178.142.330	448.267.681.451

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Tổng Giám Đốc



HUỠNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	132.886.682.453	109.190.516.459
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		132.886.682.453	109.190.516.459
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	85.011.107.435	67.165.391.322
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.875.575.018	42.025.125.137
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4.611.323.338	4.425.545.756
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	2.282.351	8.931.745
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.392.603.177	1.326.274.259
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	23.933.074.325	20.598.006.248
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.158.938.503	24.517.458.641
31	11. Thu nhập khác	VI.7	23.715.937	129.295.845
32	12. Chi phí khác	VI.8	14.785.025	-
40	13. Lợi nhuận khác		8.930.912	129.295.845
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.167.869.415	24.646.754.486
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	5.493.982.763	4.947.061.312
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.673.886.652	19.699.693.174
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	602	583
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	602	583

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám Đốc



 HUỲNH VĂN TOÀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		27.167.869.415	24.646.754.486
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		23.980.519.290	21.800.005.817
03	- Các khoản dự phòng		-	106.484.415
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(8.960.026)	(21.079.538)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.611.323.338)	(4.400.930.910)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.528.105.341	42.131.234.270
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.791.163.631)	4.611.415.772
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(403.224.360)	479.250.401
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		11.893.133.994	(32.164.027.994)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.474.874.493	(3.165.932.140)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.285.530.824)	(5.521.452.100)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(868.913.335)	(1.401.088.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		39.547.281.678	4.969.400.209
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.891.406.259)	(20.501.767.340)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.582.208.044	4.495.912.594
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.309.198.215)	(16.005.854.746)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(5.922.645.120)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(5.922.645.120)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		30.238.083.463	(16.959.099.657)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		97.106.980.656	114.045.000.775
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.960.026	21.079.538
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	127.354.024.145	97.106.980.656

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Tổng Giám Đốc



HUỖNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
2. Xí nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
3. Xí nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
4. Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 271 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 270 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2013 của Công ty Hợp doanh Kiểm toán Việt Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 60 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê mặt bằng, bãi chứa.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	177.085.807	207.450.810
Tiền gửi ngân hàng	13.676.938.338	8.963.112.420
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng	113.500.000.000	87.936.417.426
Cộng	<u>127.354.024.145</u>	<u>97.106.980.656</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	22.709.442.388	16.251.992.643
- Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm	8.967.806.587	6.072.641.598
- Công ty TNHH SHAIYO AA Việt Nam	1.248.490.153	-
- Công ty TNHH Một thành viên Hào Hưng Huế	1.531.742.660	2.171.523.431
- Công ty TNHH SHAIYO AA Quảng Trị	1.088.685.983	-
- Công ty Cổ phần Thái Bình Xanh	1.310.736.601	-
- Công Ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO Huế	986.317	1.612.276.057
- Các khách hàng khác	8.560.994.087	6.395.551.557
Cộng	<u>22.709.442.388</u>	<u>16.251.992.643</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	25.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.920.652.292	991.180.992
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Cảng - Đường Thủy	1.349.486.000	-
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	-	500.000.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	175.800.000	177.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Đô thị Hiện Đại	138.045.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Khoa học Công nghệ Phú Quý	123.000.000	86.000.000
- Các nhà cung cấp khác	134.321.292	228.180.992
Cộng	<u>1.945.652.292</u>	<u>991.180.992</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu cho vay với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các nhà cung cấp khác	-	-
Cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.927.270.948	513.918.664	1.832.290.161	513.918.664
- Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	839.037.248	-	839.037.248	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viên Dương Vinashin	513.918.664	513.918.664	513.918.664	513.918.664
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	347.188.889	-	318.073.595	-
- Các đối tượng phải thu khác	227.126.147	-	161.260.654	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	158.647.379	-	649.702.829	-
<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	10.020.000.000	-	-	-
- Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	20.000.000	-	-	-
Cộng	12.105.918.327	513.918.664	2.481.992.990	513.918.664

(*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02- Cảng chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ – KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>		-		-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		3.060.032.559		3.060.032.559
- Công ty TNHH Sơn Tùng	>3 năm	627.329.522	>3 năm	627.329.522
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	>3 năm	154.849.350	>3 năm	154.849.350
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	>3 năm	2.171.369.272	>3 năm	2.171.369.272
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	>3 năm	17.753.300	>3 năm	17.753.300
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	>3 năm	83.858.340	>3 năm	83.858.340
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	>3 năm	1.136.519	>3 năm	1.136.519
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	>3 năm	3.736.256	>3 năm	3.736.256
Cộng		3.060.032.559		3.060.032.559

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi trong kỳ như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	3.060.032.559	-	3.060.032.559
Trích lập dự phòng trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	3.060.032.559	-	3.060.032.559

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.116.647.571	-	2.947.001.068	-
Công cụ, dụng cụ	677.274.171	-	687.966.836	-
Hàng hóa	665.397.396	-	421.126.874	-
Cộng	4.459.319.138	-	4.056.094.778	-

Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mua về nhưng chưa sử dụng.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	98.346.972	-
Chi phí thuê văn phòng trả trước	73.000.500	71.401.350
Cộng	171.347.472	71.401.350

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn phát sinh trong kỳ:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	71.401.350	66.001.000
Tăng trong năm	393.415.745	175.201.200
Phân bổ trong năm	(293.469.623)	(87.600.000)
Số dư cuối năm	171.347.472	153.602.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh	353.096.918	857.521.094
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.494.493.538	2.508.736.375
Chi phí nạo vét vũng đậu tàu cập bến	2.151.451.689	3.206.339.565
Chi phí sửa chữa tài sản	242.938.901	244.204.627
Cộng	<u>4.241.981.046</u>	<u>6.816.801.661</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn phát sinh trong kỳ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	6.816.801.661	3.656.269.871
Tăng trong năm	1.172.093.426	768.631.670
Phân bổ trong năm	(3.746.914.041)	(920.840.440)
Số dư cuối năm	<u>4.241.981.046</u>	<u>3.504.061.101</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	525.416.141.752	85.000.245.832	34.294.505.481	2.308.967.743	647.019.860.808
Mua sắm trong năm	-	14.718.181.818	2.133.987.273	77.607.100	16.929.776.191
Tặng khác	-	-	-	-	-
Đ/tư XDCB h/thành	1.458.070.024	-	-	34.858.800	1.492.928.824
Tránh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	526.874.211.776	99.718.427.650	36.428.492.754	2.421.433.643	665.442.565.823
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	865.784.294	4.254.956.459	1.948.700.000	435.256.456	7.504.697.209
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	251.511.932.009	49.153.690.611	26.871.858.594	1.009.626.823	328.547.108.037
Khấu hao trong năm	16.178.255.234	5.221.728.660	2.266.615.152	297.958.502	23.964.557.548
Tặng khác	-	-	-	-	-
Tr/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	267.690.187.243	54.375.419.271	29.138.473.746	1.307.585.325	352.511.665.585
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	273.904.209.743	35.846.555.221	7.422.646.887	1.299.340.920	318.472.752.771
Số cuối năm	259.184.024.533	45.343.008.379	7.290.019.008	1.113.848.318	312.930.900.238
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	131.969.600	131.969.600
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	131.969.600	131.969.600
<i>Trong đó:</i>		
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	101.169.600	101.169.600
- Chờ thanh lý	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	92.718.732	92.718.732
Khấu hao trong năm	15.961.742	15.961.742
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	108.680.474	108.680.474
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	39.250.868	39.250.868
Số cuối năm	23.289.126	23.289.126

12. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển sang TSCĐ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	875.530.530	2.659.059.145	74.313.371	2.584.745.774
- Công trình nâng cấp bến số 1	-	1.193.870.865	-	1.193.870.865
- Công trình nâng cấp bến 120m tiếp nhận tàu 3.000DWT	-	485.102.182	-	485.102.182
- Công trình NC Bến Số 1 tiếp nhận tàu 50.000DWT	-	427.272.727	-	427.272.727
- Công trình sửa chữa, nâng cấp bến số 1	-	303.954.545	-	303.954.545
- Công trình nâng cấp bến 120m	-	174.545.455	-	174.545.455
- Nhà để xe văn phòng	-	39.454.571	39.454.571	-
- Bể cá	-	34.858.800	34.858.800	-
Chi phí sửa chữa tài sản	461.628.901	1.381.688.090	1.843.316.991	-
- Cầu dẫn	413.901.629	10.799.909	424.701.538	-
- Nhà Căng tin	47.727.272	1.370.888.181	1.418.615.453	-
Cộng	461.628.901	4.040.747.235	1.917.630.362	2.584.745.774

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	9.799.688.137	1.848.342.300
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Minh Giang	7.590.000.000	-
- Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ Tiến Lộc Phú	323.046.130	-
- Công ty CP Kiến trúc và Hạ tầng Konsept	327.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xây dựng Thanh Phương	51.393.500	1.051.283.400
- DNTN Lộc Tụ	-	349.195.000
- Công ty Xăng dầu Khu Vực V- TNHH MTV	304.528.770	-
- Các nhà cung cấp khác	1.203.719.737	447.863.900
Cộng	<u>9.799.688.137</u>	<u>1.848.342.300</u>

14. Người mua trả tiền trước**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác</i>	52.659.013	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Thiện Tâm	50.671.494	-
- Các khách hàng khác	1.987.519	-
Cộng	<u>52.659.013</u>	<u>-</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	78.582.229.984	57.411.365.257
- Royal Caribbean Cruises Ltd	78.582.229.984	57.411.365.257
- Các nhà cung cấp khác	-	-
Cộng	<u>78.582.229.984</u>	<u>57.411.365.257</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	4.097.347.802	4.097.347.802	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.039.547	-	5.493.982.763	4.285.530.824	1.495.491.485	-
Thuế thu nhập cá nhân	35.829.241	-	114.214.897	180.122.614	-	30.078.476
Các loại thuế khác	-	-	157.948.320	157.948.320	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	14.785.025	14.785.025	-	-
Cộng	322.868.788	-	9.878.278.807	8.735.734.585	1.495.491.485	30.078.476

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ cung ứng tàu biển là 10%, các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.167.869.415	24.646.754.486
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác	96.795.558	88.552.072
- Các khoản điều chỉnh tăng	108.037.935	122.743.978
+ Các khoản chi phí không hợp lý	90.970.559	76.257.745
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	14.785.025	46.486.233
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.282.351	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	11.242.377	34.191.906
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	11.242.377	21.079.538
+ Khoản cổ tức đã phân phối nhưng không chi trả	-	13.112.368
Thu nhập chịu thuế	27.264.664.973	24.735.306.558
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.452.932.994	4.947.061.312
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	41.049.769	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.493.982.763	4.947.061.312

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	9.699.229.539	9.269.584.092
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	<u>9.699.229.539</u>	<u>9.269.584.092</u>

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản</i>	-	1.329.863.135
- Bền số 2	-	1.329.863.135
Cộng	<u>-</u>	<u>1.329.863.135</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, dài hạn**18a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.478.498.747	2.004.001.416
- Công ty TNHH Thái Bình Xanh	895.200.000	495.000.000
- Công ty TNHH SHAIYO AA Việt Nam	400.220.349	392.544.166
- Công ty TNHH Xi măng Luks	170.472.818	999.566.000
- Công Ty TNHH MTV Thực Phẩm An Long MT	12.605.580	-
- Sojitz Corporation	-	116.891.250
Cộng	<u>1.478.498.747</u>	<u>2.004.001.416</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	165.000.000	1.160.472.818
- Công ty TNHH Xi măng Luks	-	170.472.818
- Công ty TNHH Thái Bình Xanh	165.000.000	990.000.000
Cộng	<u>165.000.000</u>	<u>1.160.472.818</u>

19. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	17.567.585.236	17.567.585.236
- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (*)	17.567.585.236	17.567.585.236
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	16.165.313.650	1.111.423.650
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (**)	15.000.000.000	-
- Kho bạc huyện Phú Lộc	1.118.457.000	1.085.046.000
- Phải trả các đối tượng khác	46.856.650	26.377.650
Cộng	<u>33.732.898.886</u>	<u>18.679.008.886</u>

(*) Là khoản lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy.

(**) Khoản phải trả UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế là khoản nợ đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh khi bàn giao Cảng Chân Mây từ Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô về Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy).

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	-	25.000.000.000
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	-	25.000.000.000
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>25.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn, dài hạn****20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số cuối năm
<i>Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ</i>				
- Cầu cảng	600.000.000	2.850.000.000	(424.701.538)	3.025.298.462
	600.000.000	2.850.000.000	(424.701.538)	3.025.298.462

20b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số cuối năm
<i>Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ</i>				
- Hai tàu lai Chân Mây 1, Chân Mây 2	300.000.000	700.000.000	-	1.000.000.000
	300.000.000	700.000.000	-	1.000.000.000

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	110.672.015	590.990.795	-	(329.402.151)	-	372.260.659
Quỹ phúc lợi	627.489.538	787.987.729	-	(204.616.400)	-	1.210.860.867
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	334.894.784	-	(334.894.784)	-	-
Cộng	738.161.553	1.713.873.308	-	(868.913.335)	-	1.583.121.526

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	308.623.000.000	-	8.542.133.541	308.623.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	1.281.320.031	-	1.281.320.031
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	19.699.693.174	19.699.693.174
Trích lập các quỹ	-	-	(2.606.376.052)	(2.606.376.052)
Chia cổ tức cho các cổ đồng	-	-	(5.935.757.488)	(5.935.757.488)
Số dư cuối năm trước	308.623.000.000	1.281.320.031	19.699.693.175	321.061.879.665
Số dư đầu năm này	308.623.000.000	1.281.320.031	19.699.693.175	329.604.013.206
Tăng vốn từ lợi nhuận	15.431.150.000	2.554.669.868	-	17.985.819.868
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.673.886.652	21.673.886.652
Trích lập các quỹ	-	-	(4.268.543.175)	(4.268.543.175)
Chia cổ tức cho các cổ đồng bằng cổ phiếu	-	-	(15.431.150.000)	(15.431.150.000)
Số dư cuối năm	324.054.150.000	3.835.989.899	21.673.886.652	349.564.026.551

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	305.185.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.438.000.000
Cộng	100,00%	324.054.150.000	100,00%	308.623.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	308.623.000.000	308.623.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	15.431.150.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	324.054.150.000	308.623.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.431.150.000	5.935.757.488

22d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	30.862.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	30.862.300
- Cổ phiếu thường	32.405.415	30.862.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	30.862.300
- Cổ phiếu thường	32.405.415	30.862.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

23. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dolla Mỹ (USD)	52.458,79	52.478,74

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: đồng)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	10.458.785.784	8.624.384.898
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.427.896.669	100.566.131.561
Cộng	<u>132.886.682.453</u>	<u>109.190.516.459</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.773.809.342	8.044.663.740
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	75.237.298.093	59.120.727.582
Cộng	<u>85.011.107.435</u>	<u>67.165.391.322</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.600.080.961	4.400.930.910
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	11.242.377	21.079.538
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	3.535.308
Cộng	<u>4.611.323.338</u>	<u>4.425.545.756</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	8.931.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.282.351	-
Cộng	<u>2.282.351</u>	<u>8.931.745</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	776.258.332	781.144.585
Chi phí khấu hao TSCĐ	106.302.353	106.302.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.414.130	303.033.612
Chi phí khác	251.628.362	135.793.708
Cộng	<u>1.392.603.177</u>	<u>1.326.274.259</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	12.648.752.910	11.910.670.657
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.754.078.967	2.081.003.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.776.251.069	1.582.958.580
Dự phòng phải thu khó đòi	-	106.484.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.723.690.550	2.587.505.846
Chi phí khác	4.030.300.829	2.329.383.741
Cộng	<u>23.933.074.325</u>	<u>20.598.006.248</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu lại tiền thù lao hội đồng quản trị	-	84.000.000
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	-	14.587.644
Thu từ bán hồ sơ thầu	23.636.365	-
Các khoản thu nhập khác	79.572	30.708.201
Cộng	<u>23.715.937</u>	<u>129.295.845</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hành chính	14.785.025	-
Cộng	<u>14.785.025</u>	<u>-</u>

175
 NH
 TY
 NV
 IN
 TÀI
 CHÍNH
 U-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.673.886.652	19.699.693.174
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.167.388.665)	(1.713.873.308)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.167.388.665)	(1.713.873.308)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	19.506.497.987	17.985.819.866
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	32.405.415	30.862.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>602</u>	<u>583</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích theo Điều lệ Công ty với tỷ lệ là 10% trên Lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.862.300	30.862.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	1.543.115	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>32.405.415</u>	<u>30.862.300</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.506.497.987	17.985.819.866
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	30.862.300
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	602	583

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.313.155.803	5.571.884.183
Chi phí nhân công	40.272.660.879	32.456.595.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.830.346.129	21.800.005.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.392.859.339	3.012.847.413
Chi phí khác	8.753.953.445	18.203.675.084
Cộng	100.562.975.595	81.045.008.089

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các cam kết**

Theo Thỏa thuận ưu tiên sử dụng bến cập tàu giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean ngày 26/05/2015 về việc thỏa thuận trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Theo thỏa thuận này, trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thì thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị	70.450.000	1.344.000
Thù lao	63.000.000	-
Cổ tức	7.450.000	1.344.000
Ban điều hành	1.946.727.765	1.205.430.264
Tiền lương	1.938.777.765	1.201.206.264
Cổ tức	7.950.000	4.224.000
Ban kiểm soát	19.100.000	18.422.400
Thù lao	18.000.000	18.000.000
Cổ tức	1.100.000	422.400
Ban thư ký HĐQT	64.550.000	74.323.200
Thù lao	58.500.000	72.000.000
Cổ tức	6.050.000	2.323.200
Cộng	<u>2.036.277.765</u>	<u>1.225.196.664</u>

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy		
- Chuyển tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	18.677.048.116
- Trả cổ tức	15.259.250.000	5.859.552.000
- Chuyển trả tiền lãi	-	1.023.123.106

Công nợ với các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy		
Phải trả khác	17.567.585.236	17.567.585.236
Trả trước cho người bán	25.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***3. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là dịch vụ, hàng hóa cung ứng cho các tàu biển.

	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Xăng dầu	Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	120.387.570.583	10.458.785.784	2.040.326.086	-	132.886.682.453
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.387.570.583	10.458.785.784	2.040.326.086	-	132.886.682.453
Giá vốn bộ phận	73.998.188.303	9.773.809.342	1.239.109.790	-	85.011.107.435
Lợi nhuận gộp bộ phận	46.389.382.280	684.976.442	801.216.296	-	47.875.575.018
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	98.221.824.768	8.624.384.898	2.344.306.793	-	109.190.516.459
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.221.824.768	8.624.384.898	2.344.306.793	-	109.190.516.459
Giá vốn bộ phận	57.827.818.670	8.044.663.740	1.292.908.912	-	67.165.391.322
Lợi nhuận gộp bộ phận	22.689.682.180	404.989.822	560.086.526	-	42.025.125.137

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Các báo cáo tài chính trên đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính .

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2018



BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu



NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng



HUỲNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc



